| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Cương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Ngô Minh Tâm

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị V, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 3, khu 12, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 14, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, nguyên đơn là chị Vũ Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Chị V và anh L chung sống hòa thuận

hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, sinh hoạt dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau, mặt khác anh L chơi bời và có hành vi đánh đập chị V. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị V và anh L đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Vũ Thị V khai vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị V khai vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên anh L đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện việc kết hôn, mẫu thuẫn vợ chồng, và tài sản chung vợ chồng như chị V đã khai là đúng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị V.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử chị Vũ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, sinh hoạt dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau, mặt khác anh L chơi bời và có hành vi đánh đập chị V. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Anh L không đồng ý ly hôn tuy nhiên anh L không có mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về việc chị V xin ly hôn anh. Điều này chứng tỏ mâu

thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị V là có thực, phù hợp với tài liệu xác minh của Tòa án tại gia đình và địa phương. Việc anh L không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị V. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn L khai vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn L khai vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Văn L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0008924 ngày 24/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hải Phòng;
-VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND phường M, TP C, tỉnh Quảng Ninh.
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cương**

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cương**